

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 605/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 7 - 2021

V/v ly hôn.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Tốt;

Ông Lê Văn Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Thu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1290/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Trúc R, sinh năm 1989; Địa chỉ: xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre - Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: phường T, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 12 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Trúc R là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Công Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 đăng ký ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi bà sinh con vào tháng 9 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ thay đổi tính tình, dẫn đến cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Hai bên đã cố gắng nhiều lần hòa giải, cha mẹ hai bên

cũng đã nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả. Không chịu được cuộc sống chung nên từ tháng 10/2020 bà R đã đưa con ra ngoài sống riêng và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay, bà R nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công Đ.

Về con chung: Có một con tên là Nguyễn Ngọc Gia Hân, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018. Hiện nay con đang ở với bà nên bà R yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Trúc R khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn nhưng ông Đ không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Trúc R vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn là ông Nguyễn Công Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết, Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; gửi Thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà Võ Thị Trúc R và ông Nguyễn Công Đ tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 đăng ký ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay, bà Võ Thị Trúc R có yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Công Đ, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Quận MH thì ông Nguyễn Công Đ có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ Khu phố B, phường T, Quận MH, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Võ Thị Trúc R là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà, ông Nguyễn Công Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Võ Thị Trúc R yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Công Đ vì cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Từ tháng 10/2020 bà đã ra ngoài ở riêng và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

[4] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”, nhưng theo nguyên đơn trình bày thì vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, cũng không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để vun đắp cho cuộc sống. Vợ chồng cũng không còn sống chung với nhau.

[5] Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Công Đ đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông không đến, điều đó cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Trúc R là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Trúc R.

[6] Về con chung: Có một con tên là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018, bà R yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc Gia H hiện đang sống với mẹ, do bà R trực tiếp chăm sóc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”. Vì vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, cần căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung Nguyễn Ngọc Gia H cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Trúc R:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Trúc R được ly hôn với ông Nguyễn Công Đ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 115 đăng ký ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành).

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2018 cho bà Võ Thị Trúc R trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị Trúc R không yêu cầu ông Nguyễn Công Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Công Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Võ Thị Trúc R chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0105763 ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường T, Quận MH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NH DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp